TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 57/2018/HSST
Ngày 13/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Đình Trị.

Ông Trương Văn Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Toà án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Tám – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2018/TLHS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HS ngày 26/10/2018 đối với bị cáo:

Trần Đức V (Tên gọi khác: V Núi).

Sinh năm 1976, tại: huyện T, Quảng Nam.

Nơi cư trú: Thôn K2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo : Không;

Con ông: Trần Văn Q, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1957;

Vợ: Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1977 (đã ly hôn); Bị cáo hiện sống chung với người khác và có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Nam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cao Thị Thanh H1, sinh năm: 1977.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Trần Công H2, sinh năm: 1988.

Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Trần Quang T, sinh năm: 1997.

Trú tại: Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ngô Hoàng T2, sinh năm: 1986

5. Nguyễn Ty P, sinh năm: 1994

6. Trần Văn Q, sinh năm: 1952

Cùng trú tại: Thôn K2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

7. Nguyễn Thắng C, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

8. Nguyễn Anh Hữu N, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h40’ ngày 15/12/2017, lực lượng Công an huyện T phát hiện anh Trần Công H2 và chị Cao Thị Thanh H1 có những biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở Công an xã B, huyện T để làm việc và thu giữ của H1 01 gói ma túy. Tại Cơ quan Công an xã B, anh H2 và chị H1 khai nhận: Khoảng 15h30’ cùng ngày chị H1 dùng điện thoại di động số 0905823781 liên hệ với Trần Đức V qua số điện thoại di động 0898696295 để hỏi mua 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* ma túy về sử dụng và được V đồng ý hẹn bán tại nhà của V. Khi anh H2 và chị H1 đến nhà của V nhưng không gặp V nên chị H1 điện thoại lại cho V và được V hướng dẫn gặp ông Trần Văn Q *(là cha của V)* để mua bán ma túy. Trên cơ sở lời khai nhận của chị H1 và anh H2, Cơ quan Công an huyện T tiến hành bắt giữ và khám xét khẩn cấp đối với ông Trần Văn Q, tiến hành thu giữ của ông Trần Văn Q 21 ống hút nhựa *(dài khoảng 01cm-02cm)* bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy đá *(loại Methamphetamine)*, số tiền 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* và 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu Nokia có sim thuê bao số 0931.860.943; Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Đức V thu giữ được 02 đoạn ống hút nhựa có chứa chất rắn màu trắng nghi là ma túy đá *(loại Methamphetamine)*, 01 cân tiểu ly điện tử và nhiều đồ vật, dụng cụ liên quan đến việc mua bán, sử dụng ma túy tại phòng ngủ của Trần Đức V.

Trong quá trình điều tra, ông Trần Văn Q đã khai nhận như sau: Vào tối ngày 14/12/2017, Trần Đức V đưa cho Trần Văn Q 01 hộp *(loại đựng Beroca)* bên trong có chứa nhiều gói ma túy đá để nhờ Q bán cho người khác khi V không có ở nhà. V nói với Q: Khi nào có người đến mua thì V gọi điện cho Q để Q trực tiếp bán ma túy cho người mua, gói lớn bán với giá 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*, gói nhỏ bán với giá 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, V gọi điện về cho Q nói bán 01 *(một)* gói ma túy giá 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* cho hai người đến nhà. Một lúc sau, có hai người thanh niên *(một nam và một nữ)* đến nhà Q, người nữ vào gặp Q nói: *“Bán cho con gói năm trăm”* và đưa cho Q một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. Q cầm tiền cất vào túi và lấy 01 *(một)* gói ma túy đưa cho người này. Sau khi hai người này ra về khoảng 30 phút sau thì lực lượng Công an đến bắt giữ Q theo Lệnh bắt khẩn cấp.

Cao Thị Thanh H1 khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, H gọi điện cho Trần Đức V để hỏi mua ma túy, V bảo H1 đến nhà V và gặp ông Q để mua ma túy. Ngay sau đó, H1 và H2 đến nhà V, H1 vào gặp Q và nói: *"Bán cho con gói năm trăm"*. Sau khi mua ma túy xong, H1 và H2 định đem về sử dụng thì bị lực lượng Công an huyện T mời làm việc, thu giữ gói ma túy mà H1 vừa mua được của Q.

Trần Công H2 khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, H2 cùng H1 đến nhà Trần Đức V để mua ma túy. Khi đến nhà V, thì H1 vào gặp ông Q mua một gói ma túy với giá 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. Sau khi H mua được ma túy, trên đường đi về thì H2 và H1 bị lực lượng Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam mời làm việc, thu giữ gói ma túy mà H1 vừa mua được của Q.

Ngoài ra, qua quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với các đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Trần Quang T1, Ngô Hoàng T1 và Nguyễn Thắng C, cùng trú tại xã B, huyện T; Nguyễn Tấn V và Nguyễn Ty P, cùng trú tại xã B, huyện T. Qua làm việc, các đối tượng trên khai nhận đã nhiều lần liên hệ với Trần Đức V để mua ma túy đá về sử dụng.

Đối với Trần Đức V: Sau khi Trần Văn Q bị bắt thì V đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 03/7/2018 Trần Đức V bị bắt theo lệnh truy nã. Sau khi bị bắt, Trần Đức V khai nhận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, Trần Đức V nhờ Nguyễn Anh Hữu N mua giúp ma túy 04 lần với số tiền một lần từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và nhờ Trần Thanh P mua ma túy giúp 02 lần mỗi lần 2.000.000 đồng. Số ma túy mà N và P mua, V cùng N và P sử dụng hết. Tháng 11 năm 2017 (không nhớ ngày) Trần Đức V liên lạc với một một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ để mua ma túy 02 lần (một lần 3.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng). Số ma túy này V đem về phân chia thành những gói nhỏ để sử dụng và bán cho những người nào có nhu cầu sử dụng. Cụ thể trong khoảng thời gian trên, Vinh đã sử dụng điện thoại di động số sim 0898.696295 để liên lạc và bán ma túy 15 lần (mỗi lần 01 gói ma túy có giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng) cho nhiều người nhưng V không nhớ rõ người mua là ai. Tối ngày 14/12/2017, Trần Đức V đưa cho Trần Văn Q là cha của V 01 hộp (loại lọ đựng C sủi) bên trong có chứa nhiều gói ma túy đá để nhờ Q bán giùm V khi V không có ở nhà. Khoảng 15h ngày 15/12/2017, trên đường đi tỉnh Hậu Giang, V nhận điện thoại của Cao Thị Thanh H1 nói V bán cho H1 01 gói ma túy loại 500.000 đồng. V đồng ý bán cho H1 và V gọi điện thoại về cho ông Q nói ông Q bán ma túy cho H1. Sau đó, V nghe tin Trần Văn Q bị Công an bắt nên V bỏ trốn.

Bản cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trần Đức V, về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng

người, đúng tội. Nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Đức V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị xử phạt bị cáo: Trần Đức V từ 05 đến 06 năm tù;

Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện T xét xử tại Bản án số 34/2018/HSST ngày 27/7/2018 nên không xét.

Đối với số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy là 4.500.000 đồng (bán 15 lần, mỗi lần 300.000 đồng), đề nghị HĐXX tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999 đề nghị HĐXX tuyên phạt bổ sung đối với Trần Đức V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức V thừa nhận bản thân bị cáo là con nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng vào khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, V nhờ Nguyễn Anh Hữu N mua giúp ma túy 04 lần với số tiền một lần từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và nhờ Trần Thanh P mua ma túy giúp 02 lần mỗi lần 2.000.000 đồng. Số ma túy mà N và P mua giúp, V cùng N và P sử dụng hết. Đến khoảng tháng 11 năm 2017 V tự liên lạc với một một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ để mua 02 lần ma túy (một lần 3.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng). Số ma túy này V đem về phân chia thành những gói nhỏ để sử dụng và bán cho những người nào có nhu cầu sử dụng. Trong khoảng thời gian trên, V đã sử dụng điện thoại di động số sim 0898.696295 để liên lạc và bán ma túy 15 lần (mỗi lần 01 gói ma túy có giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng) cho nhiều người nhưng V không nhớ rõ người mua. Tối ngày 14/12/2017, trước khi đi vào thăm quê vợ, V đưa cho Trần Văn Q là cha của V 01 hộp (loại lọ đựng C sủi) bên trong có chứa nhiều gói ma túy đá để nhờ Q bán giùm V khi V không có ở nhà. Khoảng 15h ngày 15/12/2017, trên đường đi tỉnh Hậu Giang, V nhận điện thoại của Cao

Thị Thanh H1 nói V bán cho H1 01 gói ma túy loại 500.000 đồng. V đồng ý bán cho H1 và V gọi điện thoại về cho ông Q nói ông Q bán ma túy cho H1. Sau đó, V nghe tin Trần Văn Q bị Công an bắt nên V bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 03/7/2018 thì V bị bắt theo lệnh truy nã.

- Căn cứ vào bản kết luận giám định số 175/PC54 ngày 20/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam xác định: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng ở các mẫu ký hiệu từ A1 đến A22 (gồm 21 ống hút nhựa thu được tại nhà của Trần Văn Q và 01 gói ma túy thu giữ trên người Cao Thị Thanh H1) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 2,137 gam.

- Căn cứ vào bản kết luận giám định số 176/PC54 ngày 22/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam xác định: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng có trong 02 đoạn ống hút nhựa khèn kín hai đầu được thu giữ tại phòng ngủ của Trần Đức V là ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,543 gam.

- Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của những người liên quan và các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo Trần Đức V đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo đã nhiều lần mua, bán ma túy cho các đối tượng nghiện trên địa bàn huyện T để sử dụng nhằm thu lợi và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T xét xử bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Ma túy là một loại chất kích thích, gây ảo giác, gây nghiện khi người đã sử dụng thì khó mà dứt bỏ. Để thỏa mãn cơn nghiện, người nghiện ma túy có thể bất chấp tất cả các thủ đoạn nhằm để có tiền mua thuốc để sử dụng, từ đó gây nên các nguy hiểm khác cho xã hội. Ngoài ra, khi nghiện ma túy sẽ dẫn đến các căn bệnh rất nguy hiểm cho tính mạng của người sử dụng và người thân. Chính vì lẽ đó, Quốc Hội và Chính phủ chỉ đạo xử lý kiên quyết đối với hành vi mua bán ma túy trái phép. Luật hình sự cũng quy định mức hình phạt rất nặng đối với hành vi này thể hiện tại chương XVIII các tội xâm phạm về ma túy. Bị cáo V là người đã trưởng thành, bị cáo biết rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng do muốn có ma túy để sử dụng phục vụ cho nhu cầu của bản thân và muốn nhanh chóng có tiền, bị cáo đã bất chấp tất cả, coi thường pháp luật, bị cáo đã thực hiện việc mua bán ma túy nhiều lần cho nhiều người nghiện sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Xét nhân thân của bị cáo V xuất thân là nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo rất thành khẩn và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự thú hành vi

phạm tội trước đó của mình. Tuy nhiên, khi tội phạm bị phát hiện bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình áp dụng các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

- Xét thấy hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để các cơ quan chức năng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Đối với người đàn ông bị cáo V khai hai lần mua ma túy. Bị cáo V khai không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Hội đồng xét xử đề nghị CSĐT Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam tiếp tục xác minh điều tra làm rõ.

[5] Đối với Trần Văn Q bán ma túy giúp cho bị cáo V đã bị Tòa án nhân dân huyện T xét xử tại Bản án số 34/2018/HSST ngày 27/7/2018 với mức án 02 năm tù giam;

- Đối với các đối tượng Cao Thị Thanh H1, Trần Công H2, Trần Quang T1, Ngô Hoàng T2, Nguyễn Ty P, Nguyễn Thắng C nhiều lần mua ma túy của bị cáo V để sử dụng, cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xử lý hành chính trong cùng vụ án với Trần Văn Q là đúng quy định của pháp luật.

- Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Đức V và Nguyễn Anh Hữu N, Công an huyện Thăng Bình xử lý hành chính là thỏa đáng.

- Đối với Trần Thanh P: Hiện nay P không có mặt tại địa phương nên chưa có cơ sở xử lý, Cơ quan Công an tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật khi làm việc được với P.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án trong vụ án này đã được Tòa án nhân dân huyện T xem xét tại Bản án số 34/2018/HSST ngày 27/7/2018 nên không xét.

[7] Các biện pháp tư pháp khác: Đối với số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo V là 4.500.000 đồng (bán 15 lần, mỗi lần 300.000 đồng). Thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T tuyên truy thu của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về hình phạt bổ sung: Thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà Nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[10] Bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Trần Đức V** phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2009); Các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo: **Trần Đức V 04** (Bốn) năm tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt ngày 03/7/2018.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Trần Đức V số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung công quỹ Nhà Nước.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên truy thu của bị cáo Trần Đức V số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng để sung vào công quỹ Nhà Nước.

Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Đức V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành